

Bản án số: 105/2020/HSPT

Ngày: 08-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Dung

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Gia Lương

Ông Nguyễn Trung Thông

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Tuấn- Cán bộ  
Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Tùng -  
Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 164/TLPT-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2020/HSST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang.

**Bị cáo có kháng cáo:** **Phạm Văn T**, sinh năm 1972 tại huyện L, tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M và bà Đỗ Thị T; có vợ là Phạm Thị L và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 25/10/2019 đến ngày 28/10/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nhận được tin báo của ông Vũ Trí K – Đội trưởng thi công của Công ty TNHH vật liệu điện và xây lắp Thanh Xuân (viết tắt là Công ty Thanh Xuân) về việc Công ty Thanh Xuân bị kẻ gian trộm cắp vật liệu xây dựng công trình điện để tại thôn Đ, thị trấn T, huyện S; các đối tượng đang vận chuyển tài sản trộm cắp bằng xe ô tô đi tiêu thụ. Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 25/10/2019, tại thôn Đ, thị trấn T (nay là thị trấn T), huyện S, tỉnh Bắc Giang; Công an huyện S bắt quả tang Phạm Văn T, Hoàng Quốc Đ đều là công nhân của Công ty Thanh Xuân, Đỗ Văn T là lái xe ô tô tải; thu giữ 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai biển số 98C – 052.69, trên thùng xe ô tô có 06 cuộn dây điện cao thế loại AC 95 (dây cáp nhôm) tổng khối

lượng là 391 Kg, nhiều thanh giằng, thanh bu lông cốt tạo bê tông bằng kim loại có tổng khối lượng 240 Kg; thu giữ của Phạm Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX biển số 99K1- 099.16, 01 điện thoại Samsung màn hình cảm ứng, vỏ màu hồng đã cũ, 01 ví da màu nâu bên trong có 01 chứng minh nhân dân, một giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Văn T, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Thị L và số tiền 100.000đồng; thu giữ của Hoàng Quốc Đ 01 điện thoại Oppo màn hình cảm ứng, vỏ màu đen đã cũ, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ căn cước công dân đều mang tên Hoàng Quốc Đ và số tiền 3.160.000 đồng.

2. Quá trình điều tra xác định: Năm 2019, Công ty Thanh Xuân thi công xây dựng đường điện cao thế tại khu vực thị trấn T (nay là thị trấn T), huyện S, tỉnh Bắc Giang; Công ty Thanh Xuân thuê nhà của gia đình bà Nguyễn Thị N (tức H) tại thôn Đ, thị trấn T làm nơi để vật tư, thiết bị phục thi công xây dựng đường điện cao thế. Phạm Văn T và Hoàng Quốc Đ đều là công nhân của Công ty Thanh Xuân tham gia thi công xây dựng công trình, T biết rõ Công ty Thanh Xuân không có người trông giữ, bảo vệ vật tư, thiết bị công trình điện để tại nhà bà Nhanh nên nảy sinh ý định đến đó trộm cắp đem đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, T rủ Đ cùng tham gia, Đ đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 25/10/2019, T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX biển số 99K1- 099.16 chở Đ đi từ huyện L, tỉnh Bắc Giang đến nơi để vật tư, thiết bị của Công ty Thanh Xuân. Khi đi đến thôn Đoàn Kết, thị trấn T, huyện S, T thấy ở bên lề đường có biển quảng cáo thu mua sắt vụn, số điện thoại 0977.925.543, đó là điểm thu mua sắt vụn của bà Nguyễn Thị H; T dùng điện thoại di động của mình gọi cho bà H theo số điện thoại nêu trên hỏi có mua sắt vụn không, bà H trả lời có mua. Sau đó T tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến nơi để vật tư, thiết bị của Công ty, phát hiện thấy các cuộn dây cáp điện để tại khu vực cổng nhà bà Nhanh; quan sát xung quanh không thấy có ai, T đi vào trong nhà là nơi ở của công nhân lấy 01 chiếc kìm cộng lực đem ra dùng làm phương tiện cắt dây điện. T và Đ thay nhau dùng kìm cộng lực cắt từ các cuộn dây điện cao thế, loại dây nhôm AC 95 T nhiều đoạn rồi cuộn lại thành 06 cuộn nhỏ để ở cạnh đường; sau đó T và Đ đi vào khu vực sân nhà lấy một số thanh giằng, thanh bu lông cốt tạo bê tông bằng kim loại đem ra ngoài đường. Thực hiện xong các hành vi nêu trên, T đem chiếc kìm cộng lực để vào chỗ cũ rồi lấy điện thoại gọi cho bà H báo đưa phương tiện đến chuyên chở; bà H gọi điện thoại cho chồng là ông Đỗ Văn T lái xe ô tô tải đến nơi T hẹn. T và Đ cùng nhau chuyển 06 cuộn dây cáp điện và toàn bộ những thanh giằng, thanh bu lông đã lấy được lên thùng xe ô tô, T bảo ông T chuyên chở về để cân và tính tiền; ông T lái xe ô tô chạy trước, T đi xe mô tô chở Đ chạy theo sau, khi vừa đi đến địa điểm cân sắt vụn là nhà ở của gia đình ông T, bà H thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

3. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, ông Vũ Trí K đã giao nộp chiếc kìm cộng lực bằng kim loại dài 90 cm, một bên tay cầm có vỏ bằng nhựa màu vàng, phần đầu kìm có chữ FBF. Phạm Văn T và Hoàng Quốc Đ đã được quan sát, nhận dạng xác định đúng là chiếc kìm cộng lực mà T và Đ sử dụng làm phương tiện để cắt dây cáp điện.

4. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 06/11/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S kết luận:

- 06 cuộn dây điện bằng kim loại (dây cáp nhôm), loại AC 95, tổng khối lượng  $391 \text{ kg} \times 82.500\text{đ/kg} = 32.257.500 \text{ đồng}$ ;

- Các thanh giằng xà bằng kim loại, có nhiều hình dạng, kích thước khác nhau, tổng khối lượng là  $207 \text{ kg} \times 7000.000\text{đ/kg} = 1.499.000\text{đ}$ ;

- Các thanh bu lông cốt tạo bê tông bằng kim loại, tổng khối lượng là  $33 \text{ kg} \times 7.000.000\text{đ/kg} = 231.000 \text{ đồng}$ ;

Tổng giá trị các tài sản nêu trên là 33.937.500 đ (Ba mươi ba triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

5. Đối với ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị H là người kinh doanh thu mua phế liệu; quá trình điều tra xác định do không biết Phạm Văn T và Hoàng Quốc Đ trộm cắp nên đã đồng ý mua và cho xe ô tô đến chuyên chở 06 cuộn dây điện và số thanh giằng, thanh bu lông bằng kim loại nêu trên. Vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông T, bà H.

6. Quá trình điều tra vụ án Phạm Văn T còn khai: Khoảng tháng 6/2019 T một mình trộm cắp một số thanh sắt lập là của Công ty Thanh Xuân đem bán cho một người phụ nữ thu mua phế liệu không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Người đại diện của Công ty Thanh Xuân xác nhận trong khoảng thời gian đó có bị mất trộm một số thanh lập là nhưng không xác định được khối lượng là bao nhiêu. Do chưa đủ cơ sở xác định khối lượng, giá trị tài sản của lần trộm cắp này nên Cơ quan điều tra đã kết luận tách hành vi trộm cắp lần này của Phạm Văn T để tiếp tục điều tra, làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

7. Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-SĐ ngày 14 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Quốc Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2020/HS-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 và 5 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án (hoặc kể từ ngày bắt thi hành án), được khấu trừ 03 ngày đã bị tạm giữ. Phạt tiền bị cáo Phạm Văn T, mức phạt 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 02/6/2020 bị cáo Phạm Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn T chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo, không yêu cầu gì về xử lý vật chứng, bị cáo trình bày: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con nhỏ, có chị ruột là chị Phạm Thị V là người khuyết tật, bị thiếu năng trí tuệ hiện đang hưởng trợ cấp hàng tháng của Nhà nước.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Văn T, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo T được hưởng án treo. Và đề nghị sửa án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, tuyên tịch thu  $\frac{1}{2}$  giá trị xe máy BKS 99K1-099.16, giao xe máy trên cho cơ quan thi hành án dân sự.

Bị cáo trình bày: Xe máy là tiền của bị cáo mua. Và không tranh luận gì thêm.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thấy đủ cơ sở xác định: Các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Quốc Đ đều là công nhân của Công ty Thanh Xuân nên T và Đ biết rõ Công ty Thanh Xuân để vật tư, thiết bị thi công công trình đường điện tại địa điểm thuê nhà của gia đình bà Nguyễn Thị N (tức H) thuộc thôn Đ, thị trấn T (nay là thị trấn T), huyện S, tỉnh Bắc Giang nhưng không có người trông coi. Buổi chiều ngày 25/10/2019 các bị cáo chở nhau bằng xe mô tô đi đến địa điểm nêu trên lấy trộm vật tư, thiết bị của Công ty Thanh Xuân với mục đích đem bán cho dịch vụ thu mua phế liệu lấy tiền tiêu sài cá nhân; các bị cáo dùng kim cộng lực cắt, lấy được 06 cuộn dây điện loại dây cáp nhôm AC 95, tổng khối lượng 391 kg; ngoài ra các bị cáo còn lấy được một số thanh giằng xà và thanh bu lông cốt tạo bê tông bằng kim loại, tổng khối lượng là 240 kg. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt được là 33.937.500đ (Ba mươi ba triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2020/HS-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang xét xử bị cáo Phạm Văn T phạm tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T thấy:

Bị cáo Phạm Văn T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là có căn cứ.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu chứng minh việc bị cáo đang phải nuôi dưỡng chị ruột là người khuyết tật, hiện đang hưởng trợ cấp hàng tháng, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp phúc thẩm cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51, bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, có nơi cư trú ổn định, thành phần con em người dân lao động, hành vi phạm tội đối với bị cáo có tích chất đồng phạm giản đơn. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết buộc phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa phương có thời gian thử thách cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành con người tốt. Bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ phân tích trên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo để phù hợp với các quy định của pháp luật và tương xứng tính chất mức độ hành vi phạm tội.

Về vật chứng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX biển số 99K1- 099.16: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đề nghị xem xét về xử lý vật chứng, đồng ý với bản án sơ thẩm. Xét thấy việc xử lý vật chứng của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về việc sửa bản án sơ thẩm đối với việc xử lý vật chứng là chiếc xe mô tô BKS 99K1- 099.16.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Phạm Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo Phạm Văn T hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

[2] Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Kim Dung**